

Bản án số: **78/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 09/8/2022

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Chí Cường.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Phước.

2. Ông Trần Văn Tiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Phấn – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 266/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

Chị Trần Thị T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 022, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

**2. Bị đơn:**

Anh Huỳnh Văn Mười H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 022, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

*Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 19/5/2022, bản khai ngày 28/6/2022, biên bản hòa giải ngày 28/6/2022 và 12/7/2022 và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 08/8/2022, nguyên đơn chị Trần Thị T có lời trình bày:*

Chị và anh Huỳnh Văn Mười H tự nguyện cưới nhau vào năm 2006, cả hai có đăng ký kết hôn đã nhận được giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 14/5/2009.

Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng cùng nhau chung sống tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre và cùng đi làm lo cho gia đình chung. Tuy nhiên thời gian

sống chung hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân do hai bên không phù hợp nhau về cách tính tình, thường xuyên cãi vã nhau và mâu thuẫn trầm trọng từ đầu năm 2022 cho đến nay và hai người sống ly thân từ khoảng tháng 5 năm 2022 cho đến nay, chị chuyển ra nhà người chị chồng ở nhờ và trong thời gian từ khi ly thân cho đến nay hai bên vẫn không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Nay chị khẳng định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Mười H, do chị tự nuôi sống bản thân vì vậy không yêu cầu anh Mười H cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân có 02 con chung là cháu Huỳnh Thị Huyền T, sinh ngày 03/9/2007 và Huỳnh Duy K, sinh ngày 07/6/2013, hiện đang sống với chị T, sau khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi hai con chung và chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có vì vậy chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có vì vậy chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản khai ngày 28/6/2022, biên bản hòa giải ngày 28/6/2022 và 12/7/2022, anh Huỳnh Văn Mười H có lời trình bày:*

Anh thừa nhận anh và chị Trần Thị T tự nguyện sống chung sau thời gian tự tìm hiểu, cả hai có đăng ký kết hôn và đã nhận được giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 14/5/2009.

Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng cùng nhau chung sống tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre và cùng đi làm lo cho gia đình nói chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Tuy thời gian đầu có hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân do hai bên không phù hợp nhau về cách sống, cách suy nghĩ, bất đồng quan điểm và cách nhìn nhận cuộc sống không giống nhau, hiện hai người sống ly thân từ khoảng tháng 5 năm 2022 cho đến nay và trong thời gian này anh và chị T vẫn chưa có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm.

Nay chị T đã suy nghĩ thật kỹ và cương quyết ly hôn, nhưng bản thân anh cũng nhận thấy tình cảm của anh đối với chị T vẫn còn, vợ chồng có thể hàn gắn để cùng lo cho hai con chung đồng thời việc anh chị ly hôn sẽ có ảnh hưởng rất lớn đối với tương lai của hai con chung nên anh không đồng ý ly hôn. Anh xin Tòa án cho anh thời gian 04 tháng để có quyết định cuối cùng.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân đúng là có 02 con chung là cháu Huỳnh Thị Huyền T, sinh ngày 03/9/2007 và Huỳnh Duy K, sinh ngày 07/6/2013, hiện đang sống với chị T, sau khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi hai con chung và chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con thì anh chưa quyết định do anh không muốn ly hôn.

Về tài sản chung: Chị T trình bày không có là đúng.

Về nợ chung: Chị T trình bày không có là đúng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của nguyên đơn, bị đơn đã đến mức trầm trọng; vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 5 năm 2022 đến nay, hai người không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối

với bị đơn, giao con chung là cháu Huỳnh Thị Huyền T, sinh ngày 03/9/2007 và Huỳnh Duy K, sinh ngày 07/6/2013, hiện đang sống với chị T cho chị T nuôi và ghi nhận chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung do hai đương sự trình bày không có vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về tố tụng:**

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng qui định.

Bị đơn trong vụ án vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

**[2]. Về nội dung:**

Chị Trần Thị T và anh Huỳnh Văn Mười H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 14/5/2009 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Thời gian đầu sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân do hai bên không phù hợp nhau về cách sống, cách suy nghĩ, bất đồng quan điểm và cách nhìn nhận cuộc sống không giống nhau, hiện hai người sống ly thân từ khoảng tháng 5 năm 2022 cho đến nay và trong thời gian này cả hai bên vẫn chưa có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo hợp lệ các phiên hòa giải với mục đích là hòa giải, động viên nhằm hàn gắn tình cảm, quan hệ giữa vợ chồng cho hai bên tuy nhiên nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ly hôn, bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng đồng thời cũng không đến tham dự phiên tòa để giải quyết vụ án.

Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử nhận định nguyên đơn cương quyết ly hôn còn bị đơn dù biết ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân nhưng bị đơn đã bỏ mặc cho nguyên đơn tự giải quyết, không cùng nguyên đơn có các biện pháp tích cực nhằm cải thiện tình trạng hôn nhân của cả hai để kéo dài mối quan hệ hôn nhân. Như vậy tình trạng hôn nhân của cả hai đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử cần thiết phải chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng cho nguyên đơn sau khi ly hôn là do sự tự nguyện của nguyên đơn vì vậy được ghi nhận, bị đơn không có mặt tại phiên tòa để trình bày yêu cầu về cấp dưỡng giữa vợ chồng vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn trình bày có 02 con chung là cháu Huỳnh Thị Huyền T, sinh ngày 03/9/2007 và Huỳnh Duy K, sinh ngày 07/6/2013, hiện đang sống với chị T. Sau khi ly hôn chị T có yêu cầu nuôi hai con chung, anh H không đồng ý do không muốn ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy Hội đồng xét xử nhận thấy khi vợ chồng ly hôn, việc giao con cho ai nuôi

là phải đảm bảo về mọi mặt cho con chung, đối với chị T sau khi hai vợ chồng sống ly thân chị là người trực tiếp nuôi hai con chung, hiện chị có việc làm và có thu nhập đồng thời nguyện vọng của hai con chung cũng muốn sống với chị vì vậy Hội đồng xét xử quyết định giao hai con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng cho con do nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu vì vậy Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

Về tài sản chung: Hai bên trình bày không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Hai bên trình bày không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Lời phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa về hình thức, nội dung vụ án là phù hợp với việc xem xét, đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006505 ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56; 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Cụ thể tuyên:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Huỳnh Văn Mười H.

Ghi nhận chị Trần Thị T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung:

Chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Huỳnh Thị Huyền T, sinh ngày 03/9/2007 và Huỳnh Duy K, sinh ngày 07/6/2013, hiện đang sống với chị T cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Ghi nhận chị Trần Thị T không yêu cầu anh Huỳnh Văn Mười H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Anh Huỳnh Văn Mười H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền, nghĩa vụ này tuy nhiên khi người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị T có nghĩa vụ chịu số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006505 ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Chí Cường**